CHƯƠNG IV

BẢN CHẤT, ĐẶC TRƯNG, VAI TRÒ, CÁC KIỂU VÀ HÌNH THỨC PHÁP LUẬT

1. BẢN CHẤT VÀ NHỮNG ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA PHÁP LUẬT

1.1 Bản chất của pháp luật

Pháp luật có 2 bản chất: tính giai cấp và tính xã hội.

*** Tính giai cấp:**

- Pháp luật phản ánh ý chí nhà nước của giai cấp thống trị.

- Tính giai cấp của pháp luật còn thể hiện ở mục đích điều chỉnh của pháp luật

*** Tính xã hội**

- Thực tiễn pháp luật là kết quả của sự ”chọn lọc tự nhiên” trong xã hội.

- Quy phạm pháp luật điều chỉnh các QHXH, hướng chúng vận động, phát triển phù hợp với các quy luật khách quan.

Tóm lại: Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự do nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị trong xã hội, là nhân tố điều chỉnh các quan hệ xã hội

1.2. Mối quan hệ của pháp luật với các hiện tượng xã hội khác.

1.2.1. Pháp luật với kinh tế

- **Pháp luật phụ thuộc vào kinh tế**: các điều kiện kinh tế, quan hệ kinh tế không chỉ là nguyên nhân trực tiếp quyết định sự ra đời của pháp luật, mà còn quyết định toàn bộ nội dung, hình thức, cơ cấu và sự phát triển của pháp luật, trong đó:

+ Cơ cấu kinh tế, hệ thống kinh tế quyết định cơ cấu hệ thống pháp luật;

+ Chế độ kinh tế quyết định việc tổ chức và phương thức hoạt động của bộ máy;

+ Tính chất, nội dung của các quan hệ kinh tế, cơ chế quản lý kinh tế quyết định tính chất nội dung của các quan hệ pháp luật, phạm vi điều chỉnh của pháp luật.

- Sự tác động trở lại của pháp luật đối với kinh tế theo 2 hướng:

+ Tác động tích cực: ổn định trật tự xã hội, thúc đẩy kinh tế phát triển khi pháp luật phản ánh đúng trình độ phát triển kinh tế-xã hội.

+ Tác động tiêu cực: cản trở, kìm hãm sự phát triển kinh tế-xã hội khi pháp luật phản ánh không đúng trình độ phát triển kinh tế-xã hội.

1.2.2. Pháp luật với chính trị

- **Sự tác động của chính trị đối với pháp luật: nền chính trị của giai cấp cầm quyền quy định bản chất, nội dung của pháp luật.**
- **Sự tác động của pháp luật đối với chính trị:**

+ Pháp luật là hình thức, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị.

+ Pháp luật là công cụ để chuyển hoá ý chí của giai cấp thống trị trở thành quy tắc xử sự chung, có tính bắt buộc đối với mọi người.

1.2.3. Pháp luật với Nhà nước

- **Sự tác động của Nhà nước đối với pháp luật: Nhà nước ban hành và bảo đảm cho pháp luật được thực hiện trong cuộc sống.**
- **Sự tác động của pháp luật đối với Nhà nước: quyền lực Nhà nước chỉ có thể được triển khai và có hiệu lực trên cơ sở pháp luật. Đồng thời, Nhà nước cũng phải tôn trọng pháp luật, tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật.**

1.2.4. Pháp luật với các quy phạm xã hội khác

- Pháp luật thể chế hoá nhiều quy phạm xã hội thành quy phạm pháp luật.
- Pháp luật và các quy phạm xã hội khác có thể trùng hợp với nhau về phạm vi điều chỉnh và mục đích điều chỉnh.
- Các loại quy phạm xã hội khác đóng vai trò hỗ trợ hoặc cản trở pháp luật phát huy hiệu lực, hiệu quả trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội.

1.3. Những đặc trưng cơ bản của pháp luật

1.3.1 Tính quy phạm phổ biến

- Pháp luật là khuôn mẫu, chuẩn mực cho hành vi xử sự của con người được xác định cụ thể.

-Pháp luật đưa ra giới hạn cần thiết mà Nhà nước quy định để các chủ thể có thể xử sự một cách tự do trong khuôn khổ pháp luật.

- Pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội cơ bản, phổ biến và điển hình.

- Pháp luật tác động đến tất cả các cá nhân, tổ chức trong những điều kiện, hoàn cảnh pháp luật đã quy định.

1.3.2. Tính quyền lực (cưỡng chế)

Pháp luật do nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện. Nhờ có tính cưỡng chế mà pháp luật được thực thi nghiêm chỉnh.

1.3.3. Tính ý chí:

Pháp luật thể hiện ý chí của giai cấp cầm quyền. Ý chí đó thể hiện rõ ở mục đích xây dựng pháp luật, nội dung pháp luật và dự kiến hiệu ứng của pháp luật khi triển khai vào đời sống thực tế.

1.3.4. Tính xã hội (tính khách quan):

Pháp luật phải phù hợp với thực tế khách quan, nhu cầu của xã hội.

2. VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT

- Pháp luật là cơ sở để thiết lập, củng cố và tăng cường quyền lực nhà nước
- Pháp luật là phương tiện để nhà nước quản lý kinh tế, xã hội.
- Pháp luật góp phần tạo dựng những quan hệ mới.
- Pháp luật tạo ra môi trường ổn định cho việc thiết lập các mối bang giao giữa các quốc gia

3. CÁC KIỂU PHÁP LUẬT

Kiểu pháp luật là tổng thể những dấu hiệu (đặc điểm) cơ bản, đặc thù của pháp luật, thể hiện bản chất giai cấp và những điều kiện tồn tại và phát triển của pháp luật trong một hình thái kinh tế xã hội nhất định.

Tương ứng với các kiểu nhà nước ta có các kiểu pháp luật sau :

- **Pháp luật Chủ nô.**
- **Pháp luật phong kiến.**
- **Pháp luật tư sản.**
- **Pháp luật xã hội chủ nghĩa.**

Ba kiểu pháp luật: chủ nô, phong kiến và tư sản tuy có những đặc trưng riêng biệt, song chúng đều có đặc điểm chung là: đều thể hiện ý chí của thiểu số giai cấp bóc lột trong xã hội; củng cố và bảo vệ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất; bảo đảm về mặt pháp lý sự áp bức, bóc lột của giai cấp thống trị đối với nhân dân lao động, duy trì tình trạng bất bình đẳng trong xã hội.

Kiểu pháp luật xã hội chủ nghĩa đang trên con đường hình thành và phát triển, từng bước xây dựng một chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất chủ yếu; *thể hiện ý chí của đa số nhân dân lao động trong xã hội*; hạn chế dần và đi đến xoá bỏ bóc lột, xây dựng một xã hội công bằng, bình đẳng và tự do.

4. CÁC HÌNH THỨC PHÁP LUẬT

4.1. Khái niệm hình thức của pháp luật

Hình thức pháp luật là cách thức mà giai cấp thống trị sử dụng để nâng ý chí của giai cấp mình lên thành pháp luật.

Hình thức pháp luật gồm: hình thức bên ngoài (nguồn của pháp luật) và hình thức bên trong của pháp luật (cấu trúc của pháp luật).

4.2. Hình thức bên ngoài của pháp luật

Hình thức bên ngoài của pháp luật là sự biểu hiện ra bên ngoài của pháp luật.

Dựa vào phương thức thể hiện ý chí của nhà nước thành pháp luật, ta có: Tập quán pháp, văn bản quy phạm pháp luật, tiền lệ pháp và những nguyên tắc của pháp luật tôn giáo. Có nước còn quan niệm cả tư tưởng, học thuyết khoa học pháp lý cũng có giá trị được áp dụng như pháp luật.

- **Tập quán pháp** là những tập quán hình thành và lưu truyền trong xã hội, phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị và được nhà nước thừa nhận, nâng chúng lên thành những quy tắc xử sự chung và được nhà nước bảo đảm thực hiện.

Hình thức này được sử dụng rộng rãi trong pháp luật chủ nô và pháp luật phong kiến;

Nhà nước tư sản và pháp luật xã hội chủ nghĩa ngày nay tuy có sử dụng nhưng ở phạm vi hẹp.

- **Tiền lệ pháp** là các quyết định của cơ quan hành chính hoặc xét xử được nhà nước thừa nhận là khuôn mẫu để giải quyết các vụ việc tương tự.

Hình thức này được sử dụng rộng rãi trong pháp luật chủ nô, pháp luật phong kiến và hệ thống pháp luật Ăng lô- xắc xông của các nước tư sản (Anh quốc, Hoa Kỳ, Sênêgan, bờ biển ngà).

- **Văn bản quy phạm pháp luật** là những văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, trong đó có chứa đựng các quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung được áp dụng nhiều lần trong thực tế cuộc sống.

Các văn bản quy phạm pháp luật chia làm 2 loại: văn bản luật và văn bản dưới luật

- **Luật tôn giáo** là những quy tắc của tôn giáo được nhà nước thừa nhận và nâng lên thành pháp luật. Hình thức này được sử dụng rộng rãi trong nhà nước phong kiến. Ngày nay ở một số nước theo Đạo hồi kinh Cô ran được coi như một loại nguồn chủ yếu của pháp luật (một số nước ở Trung đông như Ả rập saudi...).

4.3. Hình thức bên trong của pháp luật

Hình thức bên trong của pháp luật là hình thức cấu trúc của pháp luật. Pháp luật có các bộ phận cơ cấu, bao gồm: quy phạm pháp luật, chế định pháp luật, ngành luật.

Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận. Quy phạm pháp luật là tế bào của hệ thống pháp luật.

Chế định pháp luật là tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh một nhóm các quan hệ xã hội cùng loại, đồng tính chất trong cùng một ngành luật.

Chẳng hạn, Luật hôn nhân và Gia đình có các chế định: kết hôn, ly hôn, nuôi con nuôi, trách nhiệm giữa cha mẹ đối với con cái, con cái đối với cha mẹ...

Ngành luật là tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh một lĩnh vực quan hệ xã hội bằng những phương pháp điều chỉnh đặc thù riêng.